

## 6강. 베트남어 모음(3)

### 1. 베트남어 이중모음 배우기

- 발음상 두 세 단어 이지만 실제로 발음할 때 한 단어로 발음하는 것이 중요

#### (1) **A**의 조합

✓ Ai - tai

✓ Ay - tay

✓ Ây - tây

✓ Ao - dao

✓ Au - sau

✓ Âu - sâu

#### (2) **E**의 조합

✓ Eo - heo

✓ Êu - kêu

#### (3) **I**의 조합

✓ Ia - kia

✓ Iu - chiu

✓ lêu - tiêu

(4) **O**의 조합

✓ Oa - hoa

✓ Oai - khoai

✓ Oay - xoay

✓ Oe - khoe

✓ Oi - moi

✓ Õi - nôì

✓ Ơì – đơì

(5) **U**의 조합

✓ Ua - lua

✓ Ui - đui

✓ Ừì - mừì

✓ Uy - thuy

✓ Uê - huê

✓ Uơ - thươ

(6) ㅄ의 조합

✓ ㅄa - cưa

✓ ㅄi - gui

✓ ㅄu - mưu

✓ ㅄơi - tươi

✓ ㅄơu - hươu

